

Số: /QĐ-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc tổ chức lại các Cảng vụ Hàng hải, Cảng vụ Đường thủy nội địa
trực thuộc Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam**

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc Hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐU ngày 25/02/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Xây dựng;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam tại Tờ trình số 94/TTr-CHHĐTVN ngày 13/3/2025;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổ chức lại các Cảng vụ Hàng hải và Cảng vụ Đường thủy nội địa trực thuộc Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam như sau:

1. Hợp nhất các Cảng vụ Hàng hải và Cảng vụ Đường thủy nội địa

a) Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh

- Hợp nhất Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh và Cảng vụ Hàng hải Quảng Bình thành Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh.

- Thành lập Đại diện Hòn La.

- Chuyển nguyên trạng Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Quảng Bình trực thuộc Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực V về Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh và đổi tên thành Đại diện Lèn Bàng.

- Giải thể Đại diện Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh tại Xuân Hải, chuyển nguyên trạng nhiệm vụ, nhân sự về Cảng vụ Hàng hải Nghệ An.

- Đổi tên Đại diện Cảng vụ Hàng hải Quảng Bình tại Cửa Gianh thành Đại diện Cửa Gianh.

b) Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế

- Hợp nhất Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế và Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị thành Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế.

- Thành lập Đại diện Cửa Việt.

- Đổi tên các Đại diện:

+ Đại diện Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế tại Chân Mây thành Đại diện Chân Mây.

+ Đại diện Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị tại Cồn Cỏ thành Đại diện Cồn Cỏ.

c) Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ

- Hợp nhất Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ và Cảng vụ Hàng hải An Giang thành Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ.

- Thành lập Đại diện An Giang.

- Đổi tên các Đại diện:

+ Đại diện Cảng vụ Hàng hải tại Trà Vinh thành Đại diện Trà Vinh.

+ Đại diện Cảng vụ Hàng hải tại Hậu Giang thành Đại diện Hậu Giang.

d) Hợp nhất Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp và Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực IV thành Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực IV.

- Tiếp nhận nguyên trạng 03 Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa tại: Đồng Tháp, Hồng Ngự, Bến Tre trực thuộc Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực III.

- Tổ chức lại các Đại diện:

+ Hợp nhất Đại diện Cảng vụ Hàng hải tại Bến Tre và Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Bến Tre thành Đại diện Bến Tre.

+ Hợp nhất Đại diện Cảng vụ Hàng hải tại Vĩnh Xương - Thường Phước và Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Tân Châu, Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Hồng Ngự thành Đại diện Vĩnh Xương - Thường Phước.

+ Hợp nhất Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Cần Thơ và Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Thốt Nốt thành Đại diện Thốt Nốt.

+ Hợp nhất Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Ngã Bảy và Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Vị Thanh thành Đại diện Vị Thanh.

- Tổ chức lại Đại diện Cảng vụ Hàng hải tại Sa Đéc - Vĩnh Long, Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Đồng Tháp, Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Trà Ôn, Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Vĩnh Long thành: Đại diện Sa Đéc, Đại diện Vĩnh Long.

- Đổi tên các Đại diện:

+ Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Sóc Trăng thành Đại diện Sóc Trăng.

+ Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Long Xuyên thành Đại diện Long Xuyên.

+ Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Châu Phú thành Đại diện Châu Phú.

+ Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Trà Vinh thành Đại diện Long Đức.

2. Sáp nhập, chia tách, đổi tên các tổ chức trực thuộc Cảng vụ Hàng hải và Cảng vụ Đường thủy nội địa

a) Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh

- Tiếp nhận nguyên trạng Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Bắc Luân trực thuộc Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực I, đổi tên thành Đại diện Bắc Luân.

- Đổi tên các Đại diện:

+ Đại diện Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh tại Móng Cái thành Đại diện Móng Cái.

+ Đại diện Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh tại Vân Đồn thành Đại diện Vân Đồn.

+ Đại diện Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh tại Cẩm Phả thành Đại diện Cẩm Phả.

+ Đại diện Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh tại Quảng Yên thành Đại diện Quảng Yên.

b) Cảng vụ Hàng hải Thái Bình

- Tiếp nhận nguyên trạng Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Thái Bình, Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Nam Định trực thuộc Cảng vụ Đường thủy nội địa Khu vực II.

- Đổi tên các Đại diện:

+ Đại diện Cảng vụ Hàng hải tại Nam Định thành Đại diện Ninh Cơ.

+ Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Thái Bình thành Đại diện Trà Lý.

+ Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Nam Định thành Đại diện Nam Định.

c) Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa

Tiếp nhận nguyên trạng Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Thanh Hóa trực thuộc Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực V và hợp nhất với Đại diện Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa tại Lệ Môn thành Đại diện Lệ Môn.

d) Cảng vụ Hàng hải Nghệ An

- Tiếp nhận nhiệm vụ, nhân sự của Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực V.

- Tiếp nhận nguyên trạng Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Nghệ An trực thuộc Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực V đổi tên thành Đại diện Thanh Chương.

- Tiếp nhận nguyên trạng nhiệm vụ, nhân sự của Đại diện Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh tại Xuân Hải (khi giải thể Đại diện).

- Đổi tên Đại diện Cảng vụ Hàng hải Nghệ An tại Cửa Lò thành Đại diện Cửa Lò.

đ) Cảng vụ Hàng hải Quảng Nam

Tiếp nhận nguyên trạng Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Quảng Nam trực thuộc Cảng vụ Đường thủy nội địa Khu vực V đổi tên thành Đại diện Hội An.

e) Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai

- Tiếp nhận nguyên trạng Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Nhơn Trạch, Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Thủ Đức trực thuộc Cảng vụ Đường thủy nội địa Khu vực III.

- Hợp nhất Đại diện Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai tại Nhơn Trạch và Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Nhơn Trạch thành Đại diện Nhơn Trạch.

- Giải thể Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Thủ Đức, chuyển nguyên trạng nhiệm vụ, nhân sự về Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai.

- Đổi tên Đại diện Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai tại Phước Thái thành Đại diện Phước Thái.

g) Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang

- Tiếp nhận nguyên trạng Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Kiên Lương trực thuộc Cảng vụ Đường thủy nội địa Khu vực IV, hợp nhất với Đại diện Cảng vụ Hàng hải tại Hà Tiên thành Đại diện Hà Tiên.

- Tiếp nhận nguyên trạng Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Cà Mau, Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Thới Bình trực thuộc Cảng vụ Đường thủy Khu vực IV, hợp nhất với Đại diện Cảng vụ Hàng hải tại Cà Mau thành Đại diện Cà Mau.

- Tiếp nhận nguyên trạng Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Rạch Giá, Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Bạc Liêu trực thuộc Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực IV và đổi tên thành: Đại diện Rạch Giá, Đại diện Bạc Liêu.

- Đổi tên các Đại diện:

+ Đại diện Cảng vụ Hàng hải tại Hòn Chông thành Đại diện Hòn Chông.

+ Đại diện Cảng vụ Hàng hải tại Phú Quốc thành Đại diện Phú Quốc.

h) Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh

- Chuyển nguyên trạng Đại diện Cảng vụ Hàng hải tại Mỹ Tho về Cảng vụ Đường thủy nội địa Khu vực III.

- Đổi tên Đại diện:

+ Đại diện Cảng vụ Hàng hải tại Hiệp Phước thành Đại diện Hiệp Phước.

+ Đại diện Cảng vụ Hàng hải tại Gò Gia thành Đại diện Cần Giờ.

+ Đại diện Cảng vụ Hàng hải tại Long An thành Đại diện Long An.

i) Cảng vụ Đường thủy nội địa Khu vực I

- Chuyển nguyên trạng Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Bắc Luân về Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh.

- Tiếp nhận nguyên trạng 05 Đại diện trực thuộc Cảng vụ Đường thủy nội địa Khu vực II và đổi tên như sau:

+ Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Bắc Giang thành Đại diện Bắc Giang.

+ Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Bắc Ninh thành Đại diện Bắc Ninh.

+ Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Thái Nguyên thành Đại diện Thái Nguyên.

+ Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Phả Lại thành Đại diện Phả Lại.

+ Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Công Cầu thành Đại diện Công Cầu.

- Đổi tên các Đại diện:

+ Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Hải Phòng thành Đại diện Hải Phòng.

+ Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Minh Đức thành Đại diện Minh Đức.

+ Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Bạch Đằng thành Đại diện Bạch Đằng.

+ Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Đá Bạc thành Đại diện Đá Bạc.

+ Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Hoàng Thạch thành Đại diện Hoàng Thạch.

+ Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Kinh Môn thành Đại diện Kinh Môn.

+ Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Phúc Sơn thành Đại diện Phúc Sơn.

+ Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Đông Bắc thành Đại diện Đông Bắc.

k) Cảng vụ Đường thủy nội địa Khu vực II

- Chuyển nguyên trạng 05 Đại diện về Cảng vụ Đường thủy nội địa Khu vực I, gồm: Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Bắc Giang; Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Bắc Ninh; Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Thái Nguyên; Đại

diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Phả Lại; Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Cống Cầu.

- Chuyển nguyên trạng 02 Đại diện về Cảng vụ Hàng hải Thái Bình, gồm: Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Nam Định; Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Thái Bình.

- Đổi tên các Đại diện:

+ Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Hà Nội thành Đại diện Hà Nội.

+ Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Hòa Bình thành Đại diện Hòa Bình.

+ Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Phú Thọ thành Đại diện Phú Thọ.

+ Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Hà Nam thành Đại diện Hà Nam.

+ Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Hưng Yên thành Đại diện Hưng Yên.

+ Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Ninh Bình thành Đại diện Ninh Bình.

m) Cảng vụ Đường thủy nội địa Khu vực III

- Chuyển nguyên trạng 02 Đại diện về Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai, gồm: Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Nhơn Trạch; Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Thủ Đức.

- Chuyển nguyên trạng 03 Đại diện về Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực IV, gồm: Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Đồng Tháp; Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Hồng Ngự; Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Bến Tre.

- Tiếp nhận nguyên trạng Đại diện Cảng vụ Hàng hải tại Mỹ Tho trực thuộc Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh và đổi tên thành Đại diện Mỹ Tho.

- Đổi tên các Đại diện:

+ Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Bình Dương thành Đại diện Bình Dương.

+ Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Phú Long thành Đại diện Phú Long.

+ Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Tây Ninh thành Đại diện Tây Ninh.

+ Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Long An thành Đại diện Bến Lức.

+ Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Mộc Hóa thành Đại diện Mộc Hóa.

+ Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Tiền Giang thành Đại diện Tiền Giang.

+ Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Đồng Nai thành Đại diện Đồng Nai.

3. Đổi tên các Đại diện trực thuộc Cảng vụ Hàng hải

a) Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng

- Đại diện Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng tại Cát Hải thành Đại diện Cát Hải.
- Đại diện Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng tại Bạch Long Vỹ thành Đại diện Bạch Long Vỹ.

- Đại diện Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng tại Phà Rừng thành Đại diện Phà Rừng.

b) Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng

Đổi tên Đại diện Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng tại Liên Chiểu thành Đại diện Liên Chiểu.

c) Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn

Đổi tên Đại diện Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn tại Vũng Rô thành Đại diện Vũng Rô.

d) Cảng vụ Hàng hải Nha Trang

Đổi tên các Đại diện:

- Đại diện Cảng vụ Hàng hải Nha Trang tại Vân Phong thành Đại diện Vân Phong.
- Đại diện Cảng vụ Hàng hải Nha Trang tại Trường Sa thành Đại diện Trường Sa.
- Đại diện Cảng vụ Hàng hải Nha Trang tại Cam Ranh thành Đại diện Cam Ranh.

đ) Cảng vụ Hàng hải Bình Thuận

Đổi tên Đại diện Cảng vụ Hàng hải Bình Thuận tại Tuy Phong thành Đại diện Tuy Phong.

e) Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu

Đổi tên các Đại diện:

- Đại diện Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu tại Phú Mỹ thành Đại diện Phú Mỹ.
- Đại diện Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu tại Côn Đảo thành Đại diện Côn Đảo.
- Đại diện Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu tại Thị Vải thành Đại diện Thị Vải.

4. Giải thể Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực V, chuyển nhiệm vụ, một phần biên chế về Cảng vụ Hàng hải Nghệ An. Chuyển Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Thanh Hoá về Cảng vụ Hàng hải Thanh Hoá; chuyển Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Quảng Bình về Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh; chuyển Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa Quảng Nam về Cảng vụ Hàng hải Quảng Nam.

5. Sau khi tổ chức lại, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có 22 cảng vụ, gồm: 18 Cảng vụ Hàng hải và 04 Cảng vụ Đường thủy nội địa.

Danh sách chi tiết các Cảng vụ Hàng hải, Cảng vụ Đường thủy nội địa trực thuộc Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam tại Phụ lục Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam chỉ đạo các Cảng vụ Hàng hải, Cảng vụ Đường thủy nội địa tổ chức chuyển giao, tiếp nhận cơ sở vật chất, nhân sự, khu vực quản lý theo nội dung tại Điều 1 của Quyết định này; tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hàng hải, giao thông đường thủy nội địa tại khu vực quản lý được giao.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/3/2025.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Thứ trưởng;
- Đảng ủy Bộ Xây dựng;
- Công đoàn Xây dựng Việt Nam;
- Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Kho bạc Nhà nước;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- Các Cảng vụ Hàng hải, Cảng vụ Đường thủy nội địa;
- Lưu: VT, TCCB (S).

BỘ TRƯỞNG

Trần Hồng Minh

Phụ lục
DANH SÁCH CÁC CẢNG VỤ HÀNG HẢI VÀ CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY
NỘI ĐỊA TRỰC THUỘC CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT
NAM SAU KHI TỔ CHỨC LẠI

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BXD ngày /03/2025
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

1. Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh

I	Các phòng
1	Phòng Tổ chức - Hành chính
2	Phòng Tài chính - Kế toán
3	Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng
4	Phòng Thủ tục tàu thuyền
5	Phòng An toàn - An ninh hàng hải
II	Đại diện
1	Đại diện Móng Cái
2	Đại diện Bắc Luân
3	Đại diện Vân Đồn
4	Đại diện Cẩm Phả
5	Đại diện Quảng Yên
III	Trụ sở chính tại: Số 4 đường Hồng Gai, phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

2. Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng

I	Các phòng
1	Phòng Tổ chức - Hành chính
2	Phòng Tài chính - Kế toán
3	Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng
4	Phòng Thủ tục tàu thuyền
5	Phòng An toàn - An ninh hàng hải
6	Phòng Điều phối giao thông hàng hải
II	Đại diện
1	Đại diện Cát Hải
2	Đại diện Bạch Long Vĩ
3	Đại diện Phà Rừng
III	Trụ sở chính tại: Số 1A Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

3. Cảng vụ Hàng hải Thái Bình

I	Các phòng
1	Phòng Tổ chức - Hành chính
2	Phòng Tài chính - Kế toán
3	Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng - An toàn, an ninh hàng hải
II	Đại diện
1	Đại diện Ninh Cơ
2	Đại diện Trà Lý
3	Đại diện Nam Định
III	Trụ sở chính tại: Tổ dân phố số 1, Thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

4. Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa

I	Các phòng
1	Phòng Tổ chức – Hành chính
2	Phòng Tài chính – Kế toán
3	Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng
4	Phòng An toàn – An ninh hàng hải
II	Đại diện
1	Đại diện Lệ Môn
III	Trụ sở chính tại: Tổ dân phố Bắc Hải, phường Hải Thượng, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

5. Cảng vụ Hàng hải Nghệ An

I	Các phòng
1	Phòng Tổ chức – Hành chính
2	Phòng Tài chính – Kế toán
3	Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng
4	Phòng An toàn – An ninh hàng hải
II	Đại diện
1	Đại diện Cửa Lò
2	Đại diện Thanh Chương
III	Trụ sở chính tại: Đường Hồ Quý Ly, khối 13, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

6. Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh

I	Các phòng
1	Phòng Tổ chức – Hành chính
2	Phòng Tài chính – Kế toán
3	Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng
4	Phòng An toàn – An ninh hàng hải
II	Đại diện
1	Đại diện Cửa Gianh
2	Đại diện Hòn La
3	Đại diện Lèn Bàng
III	Trụ sở chính tại: Khu Kinh tế Vũng Áng, xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

7. Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế

I	Các phòng
1	Phòng Tổ chức – Hành chính
2	Phòng Tài chính – Kế toán
3	Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng
4	Phòng An toàn – An ninh hàng hải
II	Đại diện
1	Đại diện Chân Mây
2	Đại diện Cồn Cỏ
3	Đại diện Cửa Việt
III	Trụ sở chính tại: Số 06 Nguyễn Văn Tuyết, phường Thuận An, quận Thuận Hóa, thành phố Huế.

8. Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng

I	Các phòng
1	Phòng Tổ chức – Hành chính
2	Phòng Tài chính – Kế toán
3	Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng
4	Phòng An toàn – An ninh hàng hải
II	Đại diện
1	Đại diện Liên Chiểu

III	Trụ sở chính tại: Số 4, đường Đức Lợi 3, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.
------------	---

9. Cảng vụ Hàng hải Quảng Nam

I	Các phòng
1	Phòng Hành chính – Tổng hợp
2	Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng – An toàn, an ninh hàng hải
II	Đại diện
1	Đại diện Hội An
III	Trụ sở chính tại: Xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

10. Cảng vụ Hàng hải Quảng Ngãi

I	Các phòng
1	Phòng Tổ chức – Hành chính
2	Phòng Tài chính – Kế toán
3	Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng
4	Phòng An toàn – An ninh hàng hải
II	Trụ sở chính tại: Xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

11. Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn

I	Các phòng
1	Phòng Tổ chức – Hành chính
2	Phòng Tài chính – Kế toán
3	Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng
4	Phòng An toàn – An ninh hàng hải
II	Đại diện
1	Đại diện Vũng Rô
III	Trụ sở chính tại: Số 01 Đường Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

12 Cảng vụ Hàng hải Nha Trang

I	Các phòng
1	Phòng Tổ chức – Hành chính
2	Phòng Tài chính – Kế toán

3	Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng
4	Phòng An toàn – An ninh hàng hải
II	Đại diện
1	Đại diện Vân Phong
2	Đại diện Trường Sa
3	Đại diện Cam Ranh
III	Trụ sở chính tại: 03 Trần Phú – phường Vĩnh Nguyên – thành phố Nha Trang – tỉnh Khánh Hòa.

13. Cảng vụ Hàng hải Bình Thuận

I	Các phòng
1	Phòng Hành chính – Tổng hợp
2	Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng – An toàn, an ninh hàng hải
II	Đại diện
1	Đại diện Tuy Phong
III	Trụ sở chính tại: Số 345 đường Võ Văn Kiệt, phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

14. Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai

I	Các phòng
1	Phòng Tổ chức – Hành chính
2	Phòng Tài chính – Kế toán
3	Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng
4	Phòng An toàn – An ninh hàng hải
II	Đại diện
1	Đại diện Phước Thái
2	Đại diện Nhơn Trạch
III	Trụ sở chính tại: Phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

15. Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu

I	Các phòng
1	Phòng Tổ chức – Hành chính
2	Phòng Tài chính – Kế toán
3	Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng

4	Phòng Thủ tục tàu thuyền
5	Phòng An toàn – An ninh hàng hải
II	Đại diện
1	Đại diện Phú Mỹ
2	Đại diện Côn Đảo
3	Đại diện Thị Vải
III	Trụ sở chính tại: 56 Trần Phú, Phường 5, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

16. Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh

I	Các phòng
1	Phòng Tổ chức - Hành chính
2	Phòng Tài chính - Kế toán
3	Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng
4	Phòng Thủ tục tàu thuyền
5	Phòng An toàn - An ninh hàng hải
6	Phòng Điều phối giao thông hàng hải
II	Đại diện
1	Đại diện Hiệp Phước.
2	Đại diện Cần Giờ.
3	Đại diện Long An.
III	Trụ sở chính tại: Số 157 Nguyễn Tất Thành, phường 18, Quận 4 Thành phố Hồ Chí Minh.

17. Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ

I	Các phòng
1	Phòng Tổ chức - Hành chính
2	Phòng Tài chính - Kế toán
3	Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng
4	Phòng An toàn - An ninh hàng hải
II	Đại diện
1	Đại diện Trà Vinh
2	Đại diện Hậu Giang

3	Đại diện An Giang
III	Trụ sở chính tại: 14/11 Lê Hồng Phong, Phường Bình Thủy, Quận Bình Thủy, TP Cần Thơ.

18. Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang

I	Các phòng
1	Phòng Tổ chức - Hành chính
2	Phòng Tài chính - Kế toán
3	Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng
4	Phòng An toàn - An ninh hàng hải
II	Đại diện
1	Đại diện Hà Tiên
2	Đại diện Hòn Chông
3	Đại diện Phú Quốc
4	Đại diện Cà Mau
5	Đại diện Rạch Giá
6	Đại diện Bạc Liêu
III	Trụ sở chính tại: Số 40 Nguyễn Công Trứ, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

19. Cảng vụ Đường thủy nội địa Khu vực I

I	Các phòng
1	Phòng Tổ chức - Hành chính
2	Phòng Tài chính - Kế toán
3	Phòng An toàn
4	Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng
II	Đại diện
1	Đại diện Hải Phòng
2	Đại diện Minh Đức
3	Đại diện Bạch Đằng
4	Đại diện Đá Bạc
5	Đại diện Hoàng Thạch

6	Đại diện Kinh Môn
7	Đại diện Phúc Sơn
8	Đại diện Đông Bắc
9	Đại diện Bắc Giang
10	Đại diện Bắc Ninh
11	Đại diện Thái Nguyên
12	Đại diện Phả Lại
13	Đại diện Cống Cầu
III	Trụ sở chính tại: Số 10, Phạm Minh Đức, Phường Gia Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

20. Cảng vụ Đường thủy nội địa Khu vực II

I	Các phòng
1	Phòng Tổ chức - Hành chính
2	Phòng Tài chính - Kế toán
3	Phòng An toàn
4	Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng
II	Đại diện
1	Đại diện Hà Nội
2	Đại diện Hòa Bình
3	Đại diện Phú Thọ
4	Đại diện Hà Nam
5	Đại diện Hưng Yên
6	Đại diện Ninh Bình
III	Trụ sở chính tại: Số 922 Đường Bạch Đằng, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

21. Cảng vụ Đường thủy nội địa Khu vực III

I	Các phòng
1	Phòng Tổ chức - Hành chính
2	Phòng Tài chính - Kế toán
3	Phòng An toàn
4	Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng

II	Đại diện
1	Đại diện Bình Dương
2	Đại diện Phú Long
3	Đại diện Tây Ninh
4	Đại diện Bến Lức
5	Đại diện Mộc Hóa
6	Đại diện Tiền Giang
7	Đại diện Đồng Nai
8	Đại diện Mỹ Tho
III	Trụ sở chính tại: 292/37/6-8 đường Bình Lợi, Phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

22. Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực IV

I	Các phòng
1	Phòng Tổ chức - Hành chính
2	Phòng Tài chính - Kế toán
3	Phòng An toàn
4	Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng
II	Đại diện
1	Đại diện Vĩnh Xương - Thường Phước
2	Đại diện Sa Đéc
3	Đại diện Vĩnh Long.
4	Đại diện Bến Tre
5	Đại diện Thốt Nốt
6	Đại diện Sóc Trăng
7	Đại diện Long Xuyên
8	Đại diện Châu Phú
9	Đại diện Vị Thanh
10	Đại diện Long Đức
III	Trụ sở chính tại: Số 1549, đường 30/4 Phường Mỹ Ngãi, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.